TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Châu

Ông Đoàn Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đồng-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2017 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm H sinh năm 1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp T, xã LV, huyện D, tỉnh T, nơi cư trú hiện nay ấp CX, xã N, huyện D, tỉnh T (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn R sinh năm 1988, địa chỉ ấp T, xã LV, huyện D, tỉnh T (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trầm Thị P sinh năm 1946, địa chỉ ấp T, xã LV, huyện D, tỉnh T (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị Cẩm H và anh Trần Văn R tự nguyện tiến tới hôn nhân tổ chức lễ cưới năm 2005 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LV, huyện D vào ngày 13-6-2005. Sau khi kết hôn anh, chị về sống chung với gia đình anh R tại ấp T, xã LV, thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung là Trần Thị Cẩm H1 sinh ngày 14-6-2004 và Trần Thị Cẩm T sinh ngày 17/4/2006, đến giữa năm 2016 chị H và anh R phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, không nhường nhịn nhau, anh chị đã nhiều lần hòa giải bất đồng trong cuộc sống nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng đến thang 3/2017 không còn sống chung đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn R và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung là Trần Thị Cẩm H1 và Trần Thị Cẩm T, yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn R đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mắt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trầm Thị P trình bày bà là mẹ ruột của Trần Văn R và là mẹ chồng của Trần Thị Cẩm H, năm 2005 anh R và chị Hường kết hôn về sống chung gia đình bà tại ấp T, xã LV, thời gian đầu vợ chồng anh R sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 3/2017 thì không còn sống chung, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp CX, xã N sinh sống, khoảng 1 tháng sau anh R bỏ đi làm ăn xa, để 02 người con chung là Trần Thị Cẩm H1 và Trần Thị Cẩm T cho bà nuôi dưỡng khoảng 01 năm nay, hàng ngày do bà đưa đón đi học là lo ăn uống, chị H yêu cầu bà giao Cẩm H1 và Cẩm T để nuôi dưỡng nhưng bà không đồng ý, vì bà yêu thương cháu nội sống chung lâu ngày nên quý mến. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh R bà không có ý kiến gì, bà cũng không yêu cầu hoàn trả chi phí nuôi dưỡng Cẩm H1 và Cẩm T, vì là cháu nội nên bà tự nguyện nuôi dưỡng, bà chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc Cẩm H1 và Cẩm T đến khi trưởng thành.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Cẩm H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn R và yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung là Trần Thị Cẩm H1 , Trần Thị Cẩm T; chị H rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi 02 người con chung. Anh Trần Văn R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh R đã trầm trọng, không còn sống chung hơn 01 năm nay nhưng không có giải pháp đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Hường được ly hôn anh R; đề nghị giao cho chị H được nuôi dưỡng 02 người con chung là Trần Thị Cẩm H1, Trần Thị Cẩm T; chị H tự nguyện rút lại 01 phần yêu cầu, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị đình chỉ yêu cầu này và buộc chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Văn R đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã LV huyện D, tỉnh T, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm H có nội dung yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trầm Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh R và bà Hường.

[4]. Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm H, thấy rằng chị H và anh R tự nguyện xác lập hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LV, huyện D đúng theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh R là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh R xảy ra giữa năm 2016, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do anh R thường xuyên cùng bạn bè đi chơi không lo làm ăn, chăm sóc vợ con, chị H đã nhiều lần khuyên can nhưng anh R không thay đổi, đến tháng 3/2017 mâu thuẫn gay gắt và không con sống chung, chị Hường bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, khoảng 01 tháng sau anh R bỏ địa phương đi làm ăn xa không tạo điều kiện hàn gắn, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh, chị không còn sống chung hơn 01 năm nay nhưng không có giải pháp đoàn tụ với nhau, thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hường được ly hôn anh R.

[5]. Về con chung: Chị H và anh R có 02 người con chung là Trần Thị Cẩm H1 sinh ngày 14-6-2004 và Trần Thị Cẩm T sinh ngày 17-4-2006 thấy rằng, từ khi chị H và anh R không còn sống chung khoảng 01 năm nay, chị H tha thiết yêu cầu được nuôi con, nhưng anh R và gia đình ngăn cản không cho chị Hường dẫn theo 02 cháu Cẩm H1 và Cẩm T để nuôi dưỡng, đến khi anh R bỏ địa phương đi làm ăn xa, chị H cùng người thân đến gặp bà Trầm Thị P (Mẹ ruột anh R) để nhận 02 người con chung về chăm sóc nuôi dưỡng nhưng bà P không đồng ý. Hơn 01 năm nay anh R không trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà giao cho bà Ph đã trên 70 tuổi nuôi dưỡng, về lâu dài là không đảm bảo cho việc phát triển toàn diện về

thể chất và tinh thần của 02 cháu, hơn nữa Cẩm H1 và Cẩm T cùng có nguyện vọng sống chung với chị H, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị H được chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng 02 người con chung là Cẩm H1 và Cẩm T.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị rút lại yêu cầu buộc anh Trần Văn R cấp dưỡng nuôi 02 người con chung, xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị H.

[7]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8]. Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9]. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm H.

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Cẩm H được ly hôn anh Trần Văn R.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Cẩm H được nuôi dưỡng 02 người con chung là Trần Thị Cẩm H1 sinh ngày 14-6-2004 và Trần Thị Cẩm T sinh ngày 17-4-2006.

Buộc anh Trần Văn R và bà Trầm Thị P có nghĩa vụ giao Trần Thị Cẩm H1 sinh ngày 14-6-2004 và Trần Thị Cẩm T sinh ngày 17-4-2006 cho chị Trần Thị Cẩm H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Hường về việc yêu cầu anh Trần văn R cấp dưỡng nuôi con 02 người con chung là Trần Thị Cẩm H1, Trần Thị Cẩm T theo quy định pháp luật.

Không bên nào được ngăn cản việc trong nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị Cẩm H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0013083 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Án sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã LV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Đằng